



Số: 62/CV-HAGL

(V/v: Giải trình BCTC Tổng hợp bán niên 2022 đã được soát xét)

Gia Lai, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") (mã CK: HAG) giải trình giải trình biến động kết quả kinh doanh và ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán viên trên Báo cáo tài chính ("BCTC") Tổng hợp bán niên 2022 đã được soát xét như sau:

**I. Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính Tổng hợp bán niên 2022 so với Báo cáo tài chính Tổng hợp bán niên năm 2021 đã được soát xét:**

ĐVT: Ngân VND

Khoản mục	BCTC Tổng hợp bán niên năm 2022 (Đã soát xét)	BCTC Tổng hợp bán niên năm 2021 (Đã soát xét)	Biến động
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(91.197.338)	(385.835.233)	294.637.895

Nguyên nhân biến động chủ yếu như sau:

- Lợi nhuận gộp giảm 3.646.797 ngàn VND, chủ yếu do trong kỳ hoạt động kinh doanh trái cây giảm.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 401.730.562 ngàn VND, chủ yếu là do bán niên 2022 Công ty ghi nhận lãi từ việc thanh lý khoản đầu tư ít hơn bán niên năm 2021.
- Chi phí hoạt động tài chính tăng 189.177.216 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu là do tăng trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào nhóm Công ty HNG và Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai.
- Chi phí quản lý giảm 905.645.649 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu do trong bán niên 2022 Công ty đã tăng hoàn nhập dự phòng liên quan đến các khoản công nợ phải thu.
- Chi phí khác tăng 25.764.662 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu do trong bán niên 2022 Công ty đánh giá lại các tài sản không hiệu quả nhiều hơn trong bán niên 2021.

**II. Giải trình ý kiến nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính Tổng hợp bán niên năm 2022 đã được soát xét:**

Trong Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2022 đã được soát xét, kiểm toán viên có nhấn mạnh đến khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.808.533.002 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2022 đã được soát xét, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác, dòng tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công

**Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Trụ sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam  
Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn

ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2022 đã được soát xét trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính Tổng hợp bán niên năm 2022 đã được soát xét.  
Trân trọng kính chào.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**VÕ TRƯỜNG SƠN**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT



# **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 58

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; và kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập	
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2022

### BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 để ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc  
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 60752790/22989183/LR-R

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được lập vào ngày 26 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 58, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 26 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 91.197.338 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022. Cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.808.533.002 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>6.912.301.277</b>	<b>6.967.652.653</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>26.093.294</b>	<b>22.056.536</b>
111	1. Tiền	4	26.093.294	22.056.536
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.878.099.580</b>	<b>6.926.613.386</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	380.698.591	373.244.832
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	292.489.376	288.489.472
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	5.293.835.622	6.254.554.481
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.926.822.156	1.337.364.887
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7, 8	(1.015.746.165)	(1.327.040.286)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>2.417.842</b>	<b>13.515.511</b>
141	1. Hàng tồn kho		6.121.247	17.218.916
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.703.405)	(3.703.405)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.690.561</b>	<b>5.467.220</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		229.965	66.189
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.333.017	2.273.452
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.127.579	3.127.579
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.216.329.152</b>	<b>7.994.976.094</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.493.942.765</b>	<b>2.092.255.262</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	1.675.622.039	2.458.562.524
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	187.601.424	233.981.241
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7, 8	(369.280.698)	(600.288.503)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>174.673.056</b>	<b>178.264.309</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	149.394.877	152.986.130
222	Nguyên giá		290.323.802	290.323.802
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(140.928.925)	(137.337.672)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	25.278.179	25.278.179
228	Nguyên giá		40.450.152	40.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.171.973)	(15.171.973)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>61.290.868</b>	<b>62.606.294</b>
231	1. Nguyên giá		74.075.831	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(12.784.963)	(11.469.537)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>13.664.355</b>	<b>11.446.697</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		13.664.355	11.446.697
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>6.462.599.773</b>	<b>5.639.516.596</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		6.690.982.169	4.517.882.169
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.048.791.081	1.779.986.721
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.282.173.477)	(663.352.294)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.158.335</b>	<b>10.886.936</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	10.158.335	10.281.779
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.2	-	605.157
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>15.128.630.429</b>	<b>14.962.628.747</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>9.383.275.298</b>	<b>9.124.960.278</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.850.334.596</b>	<b>3.514.294.112</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	262.932.168	217.956.730
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	10.724.371	9.815.154
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.645.872	2.449.134
314	4. Phải trả người lao động		8.164.749	9.329.446
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.268.118.244	1.981.131.695
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	81.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	103.279.405	99.841.873
320	8. Vay ngắn hạn	20	1.194.366.277	1.193.584.752
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>5.532.940.702</b>	<b>5.610.666.166</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	571.942.908	653.649.038
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	7.666.626	7.666.626
338	3. Vay dài hạn	20	4.947.043.279	4.943.908.006
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	923.055	-
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.442.496
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>5.745.355.131</b>	<b>5.837.668.469</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>5.745.355.131</b>	<b>5.837.668.469</b>
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	4. Lỗ lũy kế		(3.808.533.002)	(3.716.219.664)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(3.717.335.664)	(3.415.894.804)
421b	- Lỗ trong kỳ		(91.197.338)	(300.324.860)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>15.128.630.429</b>	<b>14.962.628.747</b>

  
Trần Thị Thanh Hiếu  
Người lập

  
Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng

  
Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	78.358.282	166.674.260
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	(3.255.739)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	78.358.282	163.418.521
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(72.823.717)	(154.237.159)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.534.565	9.181.362
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	285.567.857	687.298.419
22	7. Chi phí tài chính	24	(857.795.410)	(668.618.194)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(238.833.674)	(283.229.126)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(935.832)	(12.066.455)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	507.738.568	(397.907.081)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(59.890.252)	(382.111.949)
31	11. Thu nhập khác	26	441.618	490.705
32	12. Chi phí khác	26	(30.220.492)	(4.455.830)
40	13. Lỗ khác	26	(29.778.874)	(3.965.125)
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(89.669.126)	(386.077.074)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	-
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	(1.528.212)	241.841
60	17. Lỗ sau thuế TNDN		(91.197.338)	(385.835.233)

  
Trần Thị Thanh Hiếu  
Người lập

  
Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng

  
Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>(89.669.126)</b>	<b>(386.077.074)</b>
	<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	10, 11, 12	4.906.679	6.423.932
03	Dự phòng		76.519.257	764.834.978
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(7.031.370)	1.081.892
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(278.536.487)	(686.900.613)
06	Chi phí lãi vay	24	238.833.674	283.229.126
<b>08</b>	<b>Lỗ của hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(54.977.373)</b>	<b>(17.407.759)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		27.859.812	22.662.001
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		11.097.669	(8.469.989)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		44.006.242	(127.044.307)
12	Tăng chi phí trả trước		(40.332)	(256.103)
14	Tiền lãi vay và lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") đã trả		(30.416.667)	(40.338.762)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.116.000)	(1.485.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(3.586.649)</b>	<b>(172.339.919)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		-	(228.076)
23	Tiền chi cho vay		(986.081.270)	(3.515.720.817)
24	Tiền thu hồi cho vay		218.009.758	1.598.209.876
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(27.500.000)	(108.511.316)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		791.244.823	3.224.851.488
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		11.950.096	14.693.581
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>7.623.407</b>	<b>1.213.294.736</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
34	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Tiền trả nợ gốc vay		-	(983.142.898)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	(983.142.898)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.036.758	57.811.919
60	Tiền đầu kỳ		22.056.536	18.717.492
70	Tiền cuối kỳ	4	26.093.294	76.529.411

  
Trần Thị Thanh Hiếu  
Người lập

  
Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng

  
Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch “HAG”.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
<b>Lĩnh vực nông nghiệp</b>			
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	98,00
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	98,00
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03
(5) Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	44,90
(6) Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	90,00
(7) Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động (i)	55,00
<b>Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</b>			
(8) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,50
(9) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(10) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00
<b>Công ty liên kết</b>			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00
<b>Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc:</b>			
<b>Dịch vụ hàng hóa - xây dựng</b>			
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(3) Chi nhánh Chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
<b>Quản lý bất động sản và khách sạn</b>			
(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

- (i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 117 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 126).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

**2.6 Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 91.197.338 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, và cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 3.808.533.002 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay và trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 20 của báo cáo tài chính tổng hợp. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác, dòng tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |  |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa       | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	23 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 3.9 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

#### 3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

#### 3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

#### 3.12 *Các khoản đầu tư*

*Đầu tư vào các công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

#### 3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

#### 3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

##### ▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### ▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

#### 3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.19 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	1.055.924	873.306
Tiền gửi ngân hàng	25.037.370	21.183.230
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.093.294</b>	<b>22.056.536</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	197.642.599	156.901.185
Phải thu tiền thanh lý khoản đầu tư	176.271.018	176.271.018
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	3.764.302	36.967.957
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	1.798.337	1.798.337
Phải thu tiền bán căn hộ	1.222.335	1.306.335
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>380.698.591</b>	<b>373.244.832</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(17.588.888)	(51.962.222)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>363.109.703</b>	<b>321.282.610</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh ("TM") số 28)</i>	195.046.736	182.995.617
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	185.651.855	190.249.215

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	51.962.222	8.579.854
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	989.479	45.835.781
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(35.362.813)	(2.513.509)
Số cuối kỳ	17.588.888	51.902.126

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	292.489.376	288.489.472
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(436.074)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>292.053.302</b>	<b>288.489.472</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho bên liên quan (TM số 28)</i>	286.841.877	286.841.877
<i>Trả trước cho các bên thứ ba</i>	5.647.499	1.647.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	-	-
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	436.074	-
Số cuối kỳ	<u>436.074</u>	<u>-</u>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Ngàn VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28) (i)	5.248.080.335	6.182.020.478
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	45.755.287	72.534.003
	<u><b>5.293.835.622</b></u>	<u><b>6.254.554.481</b></u>
<b>Dài hạn</b>		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 28) (i)	1.658.301.703	2.441.079.159
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	-	500.000
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	17.320.336	16.983.365
	<u><b>1.675.622.039</b></u>	<u><b>2.458.562.524</b></u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>6.969.457.661</b></u>	<u><b>8.713.117.005</b></u>
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(500.678.273)	(1.324.625.696)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<u><b>6.468.779.388</b></u>	<u><b>7.388.491.309</b></u>

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	1.324.625.696	1.748.914.571
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	93.763.613	551.629.388
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(917.711.036)	(477.786.424)
Số cuối kỳ	<u>500.678.273</u>	<u>1.822.757.535</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	131.397.575	1.312.793.892
Dài hạn	369.280.698	509.963.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)**

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2022 đến năm 2024 và hưởng lãi suất từ 4,8%/năm đến 10,00%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn từ năm 2022 đến năm 2023 hưởng lãi suất từ 10,00%/năm đến 13,00%/năm.
- (iii) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào theo Hợp đồng Tín dụng ký ngày 23 tháng 5 năm 2013. Khoản vay này sẽ được cân trừ với nghĩa vụ thuế mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Nợ gốc đầu kỳ và nợ gốc cuối kỳ (USD)</b>	<b>748.826</b>	<b>748.826</b>
<b>Nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VND)</b>	<b>17.320.336</b>	<b>16.983.365</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
		Ngàn VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi trả hộ	1.189.376.764	831.598.722
Phải thu lãi cho vay	724.526.517	471.380.112
Tạm ứng cho nhân viên	6.033.502	28.664.855
Phải thu khác	6.885.373	5.721.198
	<b>1.926.822.156</b>	<b>1.337.364.887</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu lãi cho vay	187.086.744	233.466.561
Phải thu khác	514.680	514.680
	<b>187.601.424</b>	<b>233.981.241</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.114.423.580</b>	<b>1.571.346.128</b>
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(866.323.628)	(550.740.871)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.248.099.952</b>	<b>1.020.605.257</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28)</i>	<i>1.869.856.498</i>	<i>1.253.800.247</i>
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 28)</i>	<i>187.086.744</i>	<i>233.221.894</i>
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	<i>57.480.338</i>	<i>84.323.987</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	550.740.871	150.300.795
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	357.622.522	278.149.355
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(42.039.765)</u>	<u>(3.915.316)</u>
Số cuối kỳ	<u>866.323.628</u>	<u>424.534.834</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	866.323.628	424.534.834

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Nguyên vật liệu	3.167.639	10.233.748
Hàng hóa	1.882.424	1.882.855
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	936.499	4.963.988
Công cụ, dụng cụ	76.350	79.990
Thành phẩm	<u>58.335</u>	<u>58.335</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.121.247</b>	<b>17.218.916</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(3.703.405)</u>	<u>(3.703.405)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>2.417.842</u></b>	<b><u>13.515.511</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	227.679.188	19.454.629	32.425.240	3.967.245	6.689.440	108.060	290.323.802
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	14.531.783	17.203.316	20.348.324	2.843.159	6.689.440	108.060	61.724.082
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(81.119.590)	(18.666.602)	(27.561.373)	(3.192.607)	(6.689.440)	(108.060)	(137.337.672)
Khấu hao trong kỳ	(2.819.384)	(62.329)	(577.350)	(132.190)	-	-	(3.591.253)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	(83.938.974)	(18.728.931)	(28.138.723)	(3.324.797)	(6.689.440)	(108.060)	(140.928.925)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	146.559.598	788.027	4.863.867	774.638	-	-	152.986.130
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	143.740.214	725.698	4.286.517	642.448	-	-	149.394.877
Trong đó:							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 20)	99.750.221	-	4.286.517	-	-	-	104.036.738



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Ngàn VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	25.278.179	15.171.973	40.450.152
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	15.171.973	15.171.973
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	-	(15.171.973)	(15.171.973)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	25.278.179	-	25.278.179
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo các khoản     vay của Công ty (TM số 20)</i>	25.278.179	-	25.278.179

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Ngàn VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	27.072.022	47.003.809	74.075.831
<b>Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(4.436.365)	(7.033.172)	(11.469.537)
Khấu hao và hao mòn trong kỳ	(369.697)	(945.729)	(1.315.426)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	(4.806.062)	(7.978.901)	(12.784.963)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	22.635.657	39.970.637	62.606.294
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	22.265.960	39.024.908	61.290.868
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo các khoản     vay của Công ty (TM số 20)</i>	22.265.960	39.024.908	61.290.868

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

*Thuyết minh bổ sung:*

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	434.164	518.325
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	1.315.426	1.315.426

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2022. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản cũng như tình hình kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Đầu tư vào công ty con (TM số 13.1)	6.690.982.169	4.517.882.169
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 13.2)	5.000.000	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 13.3)	1.048.791.081	1.779.986.721
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.744.773.250</b>	<b>6.302.868.890</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.282.173.477)	(663.352.294)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>6.462.599.773</b>	<b>5.639.516.596</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.1 Đầu tư vào các công ty con**

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Nông nghiệp	98,00	2.489.291.000	(650.458.785)	98,00	2.489.291.000	(549.643.647)
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Lơ Pang") (*)	Chăn nuôi và nông nghiệp	90,00	2.145.600.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Chăn nuôi và nông nghiệp	88,03	1.822.042.563	-	88,03	1.822.042.563	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Câu lạc bộ bóng đá	97,50	89.769.616	(89.769.616)	97,50	89.769.616	(89.769.616)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Bệnh viện	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai (**)	Bán buôn thực phẩm	55,00	27.500.000	-	-	-	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	(17.778.990)	100,00	17.778.990	(17.778.990)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>6.690.982.169</b>	<b>(758.007.391)</b>		<b>4.517.882.169</b>	<b>(657.192.253)</b>

(\*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất nghiệp vụ mua 90,00% tỷ lệ sở hữu trong Lơ Pang từ cổ đông hiện hữu với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.145.600.000 ngàn VND. Theo đó, Lơ Pang đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

(\*\*) Vào ngày 26 tháng 5 năm 2022, Công ty đã góp 55% vốn thành lập Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5901190436. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai là bán buôn thực phẩm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	<u>5.000.000</u>	<u>(5.000.000)</u>	25,00	<u>5.000.000</u>	<u>(5.000.000)</u>

**13.3 Đầu tư vào các công ty khác**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (i) (*)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	9,44	1.041.431.040	(518.006.045)	16,07	1.772.626.680	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	-	2,00	6.200.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	<u>1.160.041</u>	<u>(1.160.041)</u>	-	<u>1.160.041</u>	<u>(1.160.041)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.048.791.081</u></b>	<b><u>(519.166.086)</u></b>		<b><u>1.779.986.721</u></b>	<b><u>(1.160.041)</u></b>

(\*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 20).

(i) Tại ngày 1 tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 73.518.700 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác, với tổng giá trị chuyển nhượng là 791.244.823 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 60.049.183 ngàn VND (TM số 23.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 16,07% xuống còn 9,44%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền thuê đất trả trước	8.674.177	8.976.556
Công cụ, dụng cụ	1.006.856	848.604
Chi phí trả trước khác	477.302	456.619
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.158.335</b>	<b>10.281.779</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	262.932.168	217.956.730
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (TM số 28)</i>	235.855.693	190.267.116
<i>Phải trả cho các bên thứ ba</i>	27.076.475	27.689.614

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nhận ứng trước của khách hàng thương mại	10.724.371	9.815.154
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ứng trước từ các bên liên quan (TM số 28)</i>	8.640.087	8.640.087
<i>Ứng trước từ các bên thứ ba</i>	2.084.284	1.175.067

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Thuế giá trị gia tăng	1.494.860	2.651.073	(2.094.833)	2.051.100
Thuế thu nhập cá nhân	889.044	1.440.460	(1.799.962)	529.542
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.230	-	-	65.230
Khác	-	317.714	(317.714)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.449.134</b>	<b>4.409.247</b>	<b>(4.212.509)</b>	<b>2.645.872</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	2.244.749.087	1.958.542.747
Chi phí phát hành trái phiếu	15.908.108	15.908.108
Chi phí hoạt động	5.033.869	4.253.660
Chi phí lãi HĐHTKD	2.427.180	2.427.180
	<u>2.268.118.244</u>	<u>1.981.131.695</u>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay	571.942.908	653.649.038
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>2.840.061.152</b></u>	<u><b>2.634.780.733</b></u>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty (i)	54.728.697	54.667.573
Phải trả do thu hộ	44.492.962	44.037.238
Khác	4.057.746	1.137.062
	<u>103.279.405</u>	<u>99.841.873</u>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả do thu hộ	7.666.626	7.666.626
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>110.946.031</b></u>	<u><b>107.508.499</b></u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	76.002.041	72.546.509
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28)</i>	34.943.990	34.961.990

(i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (TM số 20.1)	1.194.366.277	1.193.584.752
<b>Vay dài hạn</b>		
Trái phiếu thường dài hạn (TM số 20.1)	4.947.043.279	4.943.908.006
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.141.409.556</b>	<b>6.137.492.758</b>

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) các khoản vay trong kỳ như sau:

	Ngàn VND		
	Ngắn hạn	Dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.193.584.752	4.943.908.006	6.137.492.758
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	781.525	3.135.273	3.916.798
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>1.194.366.277</u>	<u>4.947.043.279</u>	<u>6.141.409.556</u>

**20.1 Trái phiếu thường dài hạn**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>		
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(34.590.444)	(38.507.242)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.141.409.556</b>	<b>6.137.492.758</b>
<i>Trong đó:</i>		
Trái phiếu dài hạn	4.947.043.279	4.943.908.006
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	1.194.366.277	1.193.584.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Trái phiếu thường dài hạn (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 13)
BIDV và BSC	BIDV (*)	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 2.00 (2022: 7,525 - 7,55)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Diện tích 4.852,74 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sé Kong (Lào) do Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh làm chủ sở hữu; Diện tích 9.231,6 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu làm chủ sở hữu; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại tỉnh Attapeu (Lào) của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; Diện tích 5.357 ha cọ dầu và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất trên diện tích 9.380,9 ha tại tỉnh Ratanakiri (Campuchia) do Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Dong Meas sở hữu; 44.926.000 cổ phiếu HAG do ông Đoàn Nguyên Đức sở hữu; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 1.960,91 ha cao su tại tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV Heng Brothers; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 3.281,7 ha cao su tại tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV CRD; Công trình Bệnh viện Đại học Y dược HAGL thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược HAGL; Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 16,5 ha chuối trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty; 13.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; Trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất, chế biến gỗ và hàng mọt dân dụng (tại phường Chi Lăng, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Nhà máy gỗ nội thất (tại Chư Prong, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Máy móc thiết bị thuộc Bệnh viện Đại học Y dược HAGL; 335 ha chuối tại Attapeu, Lào thuộc Công ty MTV Phát triển nông nghiệp Khăn Xay 2789,72 ha tại Stung Cheng, Campuchia thuộc Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì; Máy móc thiết bị thuộc Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai.
Chi phí phát hành trái phiếu		(34.401.662)				
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.841.598.338</b>				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		4.647.232.061				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		1.194.366.277				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY (tiếp theo)**

**20.1 Trái phiếu thường dài hạn (tiếp theo)**

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, diện tích trồng cao su và cọ dầu thực tế đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng. Diện tích cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cọ dầu. Cũng tại ngày này, Công ty cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải trả đã đến hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 với tổng giá trị là 2.060.753.494 ngàn VND. Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn nói trên.

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp
ACBS	Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2022: 10,00)	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	47.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức
Chi phí phát hành trái phiếu		(188.782)				
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>299.811.218</b>				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		299.811.218				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>						
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(6.678.268.588)	6.139.478.329
Chi thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(1.485.000)	(1.485.000)
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	(385.835.233)	(385.835.233)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>279.895.303</u>	<u>(7.065.588.821)</u>	<u>5.752.158.096</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>						
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	9.274.679.470	-	(686.640)	279.895.303	(3.716.219.664)	5.837.668.469
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	(91.197.338)	(91.197.338)
Chi thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(1.116.000)	(1.116.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>9.274.679.470</u>	<u>-</u>	<u>(686.640)</u>	<u>279.895.303</u>	<u>(3.808.533.002)</u>	<u>5.745.355.131</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947 927.467.947	927.467.947 927.467.947
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283 927.399.283	927.399.283 927.399.283
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664 68.664	68.664 68.664

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>78.358.282</b>	<b>166.674.260</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	65.916.229	16.820.647
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	12.442.053	112.904.791
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	-	36.948.822
<b>Khoản giảm trừ</b>	<b>-</b>	<b>(3.255.739)</b>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	(3.255.739)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>78.358.282</b>	<b>163.418.521</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	65.916.229	16.820.647
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	12.442.053	112.904.791
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	-	33.693.083
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i>	66.350.622	153.277.069
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	12.007.660	10.141.452



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU** (tiếp theo)

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng	218.487.304	223.911.577
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư (TM số 13.3)	60.049.183	462.922.280
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.031.370	384.603
Thu nhập cổ tức	-	79.959
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>285.567.857</b>	<b>687.298.419</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 28)</i>	217.965.846	209.652.095
<i>Doanh thu từ các bên thứ ba</i>	67.602.011	477.646.324

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Giá vốn hàng hóa đã bán	65.144.075	15.521.413
Giá vốn dịch vụ cung cấp	7.679.642	113.280.303
Giá vốn bán trái cây	-	25.435.443
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>72.823.717</b>	<b>154.237.159</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	618.821.183	373.435.704
Chi phí lãi vay	238.833.674	283.229.126
Chi phí lãi HĐHTKD	-	1.759.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.735.022
Khác	140.553	8.458.675
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>857.795.410</b>	<b>668.618.194</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	305.800	11.275.419
Chi phí lương nhân viên	193.275	414.555
Chi phí bán hàng khác	436.757	376.481
	<u>935.832</u>	<u>12.066.455</u>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí lương nhân viên	16.585.183	17.185.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.706.341	7.353.620
Chi phí khấu hao và hao mòn (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	2.205.760 (542.301.926)	3.183.114 369.043.890
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.066.074	1.140.670
	<u>(507.738.568)</u>	<u>397.907.081</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(506.802.736)</u></b>	<b><u>409.973.536</u></b>

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	441.618	490.705
<b>Chi phí khác</b>		
Xóa sổ công nợ	23.823.160	-
Các khoản phạt	5.137.653	202.100
Chi phí khác	1.259.679	4.253.730
	<u>30.220.492</u>	<u>4.455.830</u>
<b>LỖ KHÁC</b>	<b><u>(29.778.874)</u></b>	<b><u>(3.965.125)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.528.212	(241.841)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.528.212</b>	<b>(241.841)</b>

**27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) của kỳ hiện tại và kỳ trước. Thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lỗ thuần trước thuế và lợi nhuận tính thuế:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(89.669.126)</b>	<b>(386.077.074)</b>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	110.101.092	798.148.095
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP (*)	20.346.370	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(7.641.060)	1.209.204
Thu nhập cổ tức	-	(79.959)
<b>Lợi nhuận tính thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>33.137.276</b>	<b>413.200.266</b>
Lỗ kỳ trước chuyển sang	(33.137.276)	(413.200.266)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế TNDN phải trả đầu kỳ và cuối kỳ (TM số 17)</b>	<b>65.230</b>	<b>65.230</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành** (tiếp theo)

(\*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm tổng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong năm mà vượt 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay thuần và chi phí khấu hao trong kỳ.

**27.2 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>tổng hợp giữa niên độ</i>		<i>kinh doanh tổng hợp giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30</i>	<i>Ngày 31</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
	<i>tháng 6</i>	<i>tháng 12</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>
	<i>năm 2022</i>	<i>năm 2021</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
			<i>năm 2022</i>	<i>năm 2021</i>
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(923.055)	605.157	(1.528.212)	241.841
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (phải trả)</b>	<b>(923.055)</b>	<b>605.157</b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(1.528.212)</b>	<b>241.841</b>

**27.3 Lỗ chuyển sang các kỳ sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau kỳ phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 391.573.257 ngàn VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 424.710.533 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ		Chưa chuyển	
			đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Không được chuyển lỗ	lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	
2017	2022	321.978.808	(321.978.808)	-	-	-
2018	2023	78.379.982	(70.433.976)	-	7.946.006	-
2019	2024	383.627.251	-	-	383.627.251	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>783.986.041</b>	<b>(392.412.784)</b>	<b>-</b>	<b>391.573.257</b>	<b>-</b>

(\*) Lỗ tính thuế đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lỗ tính thuế chuyển sang các kỳ sau do chưa chắc chắn được thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (tới ngày 31 tháng 3 năm 2022) Công ty con (từ ngày 31 tháng 3 năm 2022)
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan
Công ty TNHH Một Thành Viên Bờ Y	Công ty liên quan
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Cổ đông
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đông
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
<b>Đoàn Nguyễn Đức</b>	<b>Chủ tịch HĐQT</b>
Đoàn Tiến Quyết	Cha
Nguyễn Thị Thơm	Mẹ
Hoàng Trọng Biên	Cha vợ
Lê Thị Ngọc Ân	Mẹ vợ
Hoàng Thị Ngọc Bích	Vợ
Đoàn Hoàng Anh	Con
Đoàn Hoàng Nam	Con
Đoàn Hoàng Nam Anh	Con
Đoàn Nguyễn Lộc	Anh
Nguyễn Thị Lành	Chị dâu
Đoàn Thị Nguyên Dung	Em
Trần Hữu Phước	Em rể
Đoàn Nguyễn Ngôn	Em
Đào Thị Phương Mai	Em dâu
Đoàn Thị Nguyên Vinh	Em
Lê Văn Kế	Em rể
Đoàn Nguyễn Thịnh	Em
Lê Thị Diễm	Em dâu
Đoàn Thị Nguyên Xuân	Em
Thân Quang Vinh	Em rể
Đoàn Nguyễn Thu	Em
Nguyễn Thị Huỳnh Lê	Em dâu
Đoàn Thị Nguyên Thảo	Em ruột
Nguyễn Cao Hoàng	Em rể
Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Em
Nguyễn Minh Trung	Em rể
<b>Võ Trường Sơn</b>	<b>Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc</b>
Võ Ngọc Dự	Cha
Trần Thị Thắm	Mẹ
Lâm Hoàng Nam	Cha vợ
Đoàn Thị Điệp	Mẹ Vợ
Lâm Hoàng Yến	Vợ
Võ Hoàng Long	Con
Võ Hoàng Yến Nhi	Con
Võ Thanh Lộc	Em
Lê Thanh Thúy	Em dâu
Võ Thị Kim Phượng	Em
Phạm Văn Kém	Em rể
Võ Thị Thắm Thúy Hằng	Em
Nguyễn Văn Hạnh	Em rể
Võ Thị Bé Sáu	Em
Lê Nguyễn Ngọc Sơn	Em rể
Võ Thanh Tùng	Em
Lê Thị Ngọc Hòa	Em dâu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
<b>Võ Thị Huyền Lan</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>
Võ Văn Giai	Cha
Phạm Thị Tô	Mẹ
Ngô Bình Long	Chồng
Ngô Quý Hà Giang	Con
Ngô Hoàng Khánh Dương	Con
Võ Thị Kiều Phương	Chị ruột
Bùi Văn Ba	Anh rể
Võ Thị Huyền Linh	Chị ruột
Võ Thị Huyền Châu	Em ruột
Võ Thị Huyền Trân	Em ruột
Đình Văn Truyền	Em rể
Công ty Cổ phần Bourbon Bến Lức	Tổ chức liên quan
Công ty Cổ phần thực phẩm Nông sản xuất khẩu Sài Gòn	Tổ chức liên quan
<b>Võ Thị Mỹ Hạnh</b>	<b>Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc</b>
Võ Văn Dũng	Cha
Huỳnh Thị Hồng	Mẹ
Lê Đình Quốc	Cha chồng
Lê Thị Thu	Mẹ chồng
Lê Đại Quang	Chồng
Lê Đại Minh Long	Con
Lê Đại Hoàng Long	Con
Võ Đình Phúc	Em
Phùng Thị Nguyên Trang	Em dâu
Võ Thị Kim Thủy	Em
Lê Hoài Lâm	Em rể
<b>Nguyễn Thị Huyền</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>
Nguyễn Nhấn	(đến ngày 8 tháng 4 năm 2022)
Nguyễn Thị Hạt	Cha
Nguyễn Thị Hạ	Mẹ
Lê Hải Sâm	Chị
Nguyễn Thị Thùy	Anh rể
Lâm Vinh	Chị
Nguyễn Thị Uyên	Anh rể
Nguyễn Uy	Chị
	Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

*Bên liên quan*

*Mối quan hệ*

**Trần Văn Dai**

**Thành viên HĐQT  
(từ ngày 8 tháng 4 năm 2022)**

Nguyễn Thị Lâm

Vợ

Trần Nguyễn Ngọc Minh

Con

Trần Nguyễn Bảo Châu

Con

Trần Gia Vinh

Con

Nguyễn Khắc Sơn

Bố vợ

Đinh Thị Thuật

Mẹ vợ

Nguyễn Việt Anh

Em vợ

Nguyễn Vũ Hải Yến

Em dâu

Trần Thị Gái

Em gái

Phan Tấn Hoàng

Em rể

Trần Văn Ân

Anh trai

Trương Thị Tuyết

Chị dâu

Trần Văn Nghị

Anh trai

Lê Thị Lợi

Chị dâu

**Hồ Thị Kim Chi**

**Phó Tổng giám đốc**

Hồ Đắc Tám

Cha

Phạm Thị Hải

Mẹ

Võ Hồ Lâm

Cha chồng

Võ Thị Thu Sương

Mẹ Chồng

Võ Hồng Nhân

Chồng

Võ Vĩnh Khang

Con

Võ Hồ Khánh Linh

Con

Hồ Đắc Quang

Anh

Nguyễn Thị Yến

Chị dâu

Hồ Thị Liễu

Chị

Võ Văn Hội

Anh rể

Hồ Thị Phước

Chị

Phạm Bảo Quốc

Anh rể

Hồ Thị Tâm Hiền

Chị

**Đỗ Trần Thùy Trang**

**Trưởng BKS**

Đỗ Văn Diệp

Cha

Trần Thị Kim Dân

Mẹ

Đinh Đức

Cha chồng

Đào Thị Yên

Mẹ chồng

Đinh Công Tịnh

Chồng

Đinh Đăng Khoa

Con

Đinh Đăng Khôi

Con

Đỗ Trần Thùy Linh

Em

Nguyễn Văn Sơn

Em rể

Đỗ Trần Thùy Diễm

Em

Nguyễn Hương Giang

Em rể



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
<b>Lê Hồng Phong</b>	<b>Thành viên BKS</b>
Lê Hồng Thủy	Cha
Đỗ Thị Tuyết Nhung	Mẹ
Bùi Duy Tâm	Cha vợ
Hoàng Thị Na	Mẹ vợ
Bùi Thị Ngọc Anh	Vợ
Lê Hồng Ngọc	Con
Lê Phúc Bình	Con
Lê Hồng Anh	Anh
<b>Phạm Ngọc Châu</b>	<b>Thành viên BKS</b>
Phạm Văn Nét	Cha
Nguyễn Thị Cánh	Mẹ
Nguyễn Duy Phương	Cha vợ
Nguyễn Thị Nở	Mẹ vợ
Nguyễn Thị Thu Lan	Vợ
Phạm Nhật Duy	Con
Phạm Phúc Duy	Con
Phạm Văn Hùng	Anh
Bùi Thị Băng Trinh	Chị dâu
Phạm Thị Như Hoa	Chị
Biện Văn Tuấn	Anh rể
Phạm Phương Thảo	Em
Đặng Thị Phi Yên	Em dâu
Phạm Phương Nam	Em
Nguyễn Thị Duyên	Em dâu
<b>Lê Trương Y Trâm</b>	<b>Kế toán trưởng</b>
Lê Văn Chương	Cha
Trương Thị Nga	Mẹ
Nguyễn Văn Chánh	Cha chồng
Nguyễn Thị Hiếu	Mẹ chồng
Nguyễn Văn Trung	Chồng
Nguyễn Lê Cẩm Hạ	Con
Lê Trương Xuân Vy	Em
Trần Anh Đức	Em rể
<b>Đoàn Thị Mai Phương</b>	<b>Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty</b>
Đoàn Văn Toán	Cha
Trần Thị Thanh Mai	Mẹ
Nguyễn Thành Kham	Cha chồng
Nguyễn Thị Hạnh	Mẹ chồng
Nguyễn Thành Long	Chồng
Nguyễn Bảo Ngọc	Con
Đoàn Quang Phú	Em

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
<b>Hồ Thị Mỹ Loan</b>	<b>Thư ký Công ty</b>
Hồ Vĩnh Thành	Cha
Trần thị Hồng	Mẹ
Chu thế Sử	Cha chồng
Lê Thị Hạnh	Mẹ chồng
Chu Thế Hiển	Chồng
Chu Ngọc Diễm Quỳnh	Con
Chu Minh Tuấn	Con
Hồ Thị Thảo Trang	Chị
Hồ Thị Thảo Ly	Chị
Hồ Thị Thảo Châu	Chị
Hồ Dũng Phong	Em
Hồ Hoàng Vĩnh	Anh
Trần Thị Huệ Oanh	Chị Dâu

Hàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Mua khoản đầu tư	2.145.600.000	-
		Cho vay	679.440.000	161.506.120
		Lãi cho vay	126.658.158	152.603.791
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	859.450.770	165.632.504
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	65.906.029	95.890.813
		Mua hàng hóa và dịch vụ	49.192.675	81.623.121
		Lãi cho vay	19.658.413	6.653.039
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho vay	155.619.000	-
		Lãi cho vay	34.267.925	-
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	Cho vay	126.658.158	114.260.000
		Lãi cho vay	-	886.982
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	23.559.840	12.888.261
		Cho vay	20.000.000	372.736.787
		Mua hàng hóa	1.241.048	40.258.676
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.577	12.194.496
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Cho vay	20.300.000	1.088.916.833
		Lãi cho vay	17.011.382	24.574.230
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (tới ngày 31 tháng 3 năm 2022)	51.000	3.723.731
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	(từ ngày 31 tháng 3 năm 2022)		
		Góp vốn	27.500.000	-
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	23.690.500	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	320.379	-
		Chi hộ	132.660	425.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	6.812.291	7.170.358
		Cho vay	2.000.000	17.189.492
		Mua hàng hóa và dịch vụ	33.285	182.182
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	78.318	57.797
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	2.072.326	2.007.117
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	2.718.393
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	679.334
		Chi hộ	-	271.927
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	1.874.921	2.337.868
		Cho vay	-	100.742.000
		Cho mượn	-	3.300.000
		Chi phí lãi HĐHTKD	-	1.755.556
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn	500.000	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	57.640	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	27.829	-
Công ty TNHH MTV Phát Triển Nông Nghiệp Khăn Xay	Công ty con	Chi hộ	395.649	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	5.086.370
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Công ty liên quan	Thuê văn phòng	303.542	359.673
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	965.115
		Mua tài sản	-	566.154
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	68.812
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai – CN Nhà máy nhựa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	19.377

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	51.038
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến hoa quả	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	39.333
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Chi phí lãi HĐHTKD	-	15.408
			-	4.113



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</b>				
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	173.736.582	129.051.231
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.151.769	5.147.542
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (tới ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.420.359	4.420.359
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	3.764.302	3.764.302
	Công ty con (từ ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Bán tài sản cố định	1.748.337	1.748.337
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.369.015	5.023.007
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	27.595.944
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	5.501.714
Các công ty khác	Công ty liên quan	Các khoản khác	856.372	743.181
			<b>195.046.736</b>	<b>182.995.617</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)</b>				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	286.841.877	286.841.877
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7) (*)</b>				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay	2.753.404.202	4.120.545.983
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	1.732.764.450	1.351.784.995
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho vay	398.797.080	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (tới ngày 31 tháng 3 năm 2022) Công ty con (từ ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Cho vay	152.066.955	500.000.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	122.063.417	4.209.929
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Cho vay	49.900.701	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	38.883.530	38.883.530
Công ty TNHH Một Thành Viên Bờ Y	Công ty liên quan	Cho vay	200.000	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	-	102.165.041
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	Cho vay	-	64.431.000
			<b>5.248.080.335</b>	<b>6.182.020.478</b>

(\*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả trong năm từ năm 2022 đến năm 2023 với lãi suất trung bình từ 7,575%/năm đến 8,00%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ trong các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7) (*)</b>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	578.532.488	587.132.488
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	520.448.888	237.698.118
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	252.119.446	636.677.270
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (tới ngày 31 tháng 3 năm 2022) Công ty con (từ ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Cho vay	183.116.833	178.816.833
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	108.020.402	105.918.838
Công ty TNHH CN & NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	16.063.646	15.751.124
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho vay	-	405.418.080
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	-	124.747.488
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay	-	99.018.219
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Cho vay	-	49.900.701
			<b>1.658.301.703</b>	<b>2.441.079.159</b>

(\*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ năm 2023 đến năm 2024 với lãi suất trung bình từ 4,80%/năm đến 12,00%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ trong các công ty này.

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 9 tháng 4 năm 2022, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)</b>				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	574.631.492 21.202.253	571.054.957 -
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	540.677.039	404.394.310
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	423.608.287 922.245	64.280.709 922.245
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ Khác	143.687.945 2.630.603	144.184.767 2.630.603
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	73.812.911	23.856.246
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	43.875.308	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (tới ngày 31 tháng 3 năm 2022) Công ty con (từ ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Lãi cho vay Khác	36.140.058 1.520.465	26.200.685 1.520.465
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	Lãi cho vay	4.810.255	4.180.123
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay Cho mượn Khác	- - 22.421	7.486.903 - 10.812
Các bên khác	Bên liên quan	Khác	2.315.216	3.077.422
			<b><u>1.869.856.498</u></b>	<b><u>1.253.800.247</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Phải thu dài hạn khác (TM số 8)</b>				
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	76.843.105	57.184.692
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	59.846.473	36.286.633
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (tới ngày 31 tháng 3 năm 2022) Công ty con (từ ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Lãi cho vay	38.606.796	31.534.787
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	10.220.838	10.021.989
Công ty TNHH CN & NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.569.532	1.538.997
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	43.144.374
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	24.690.715
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	-	19.195.136
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	9.624.571
			<b>187.086.744</b>	<b>233.221.894</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)</b>				
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	207.692.997	157.029.538
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Mua hàng hóa	15.115.653	14.825.091
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	2.699.174	9.257.374
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	8.982.932	8.238.706
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.364.937	916.407
			<b>235.855.693</b>	<b>190.267.116</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)</b>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	8.640.087	8.640.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19)</b>				
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Thu hộ	10.415.275	10.415.275
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	1.758.965	1.776.965
			<b>34.943.990</b>	<b>34.961.990</b>

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	1.479.370	1.264.836
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	1.260.987	1.054.338
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	902.799	718.531
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	756.829	617.977
Các cá nhân khác		1.423.351	1.212.136
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.823.336</b>	<b>4.867.818</b>

(\*) Bao gồm tiền lương và / hoặc các khoản thù lao khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, khách sạn. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	1.900.828	1.301.822
Từ 1 đến 5 năm	6.429.426	5.207.288
Trên 5 năm	32.381.913	35.634.684
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.712.167</b>	<b>42.143.794</b>

***Cam kết bảo lãnh***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đang dùng 64.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay của HNG.

Ngoài ra, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá ("BIDV Thanh Hóa"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV Thanh Hóa theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

**30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	445.365.654	421.542.494
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	3.720.000	3.720.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>456.077.870</b>	<b>432.254.710</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. ĐẠI DỊCH COVID-19**

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán tổng hợp giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Trần Thị Thanh Hiếu  
Người lập



Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

